Phụ lục số 93

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ MƯỜNG THÀNG

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Quốc lộ 6	Giáp địa giới hành chính xã Cao Phong	Hết nhà ông Đào Xuân Đạm (thửa số 55 tờ bản đồ số 116 ngã ba rẽ xóm Nam Thái)	1.950	1.400	840	1.350	980	580	1.180	840	510
2		Hết nhà ông Đào Xuân Đạm (ngã ba rẽ xóm Nam Thái)	Giáp địa giới hành chính xã Tân Lạc	1.400	840	450	980	580	310	840	510	280
3	Đường Tỉnh lộ 444	Nhà ông Bùi Văn Thuỷ (thửa 601, tờ 01)	Hết đất nhà ông Bùi Dũng Khục (thửa 523, tờ số 114).	380	280	190	270	200	140	240	200	120
4		Nhà ông Bùi Dũng Khục (thửa 523, tờ số 114)	Ngã ba nhà ông Bùi Thanh Lái (thửa số 70, tờ số 01)	380	280	190	270	200	140	240	200	120
5		Ngã ba nhà ông Bùi Thanh Lái (thửa số 70, tờ số 01)	Ngã Ba xóm Rớm Khánh (thửa số 68, tờ số 232)	490	370	290	380	280	230	300	230	180
6		Trường Tiểu Học và Trung học cơ Sở Dũng Phong	Hết nhà ông Vũ Đức Đông (thửa số 412, tờ số 93)	800	550	390	560	380	280	440	300	230
7		Nhà ông Vũ Đức Đông (thửa số 412, tờ số 93)	Gốc Đa xóm Dũng Tiến	490	410	330	380	330	260	300	260	210
8		Gốc Đa xóm Dũng Tiến	Hết đất Bùi Văn Thuỷ (thửa số 601, tờ số 01)	490	410	330	380	330	260	300	260	210
9		Ngã ba Bằng	Hết đất nhà ông Lê Văn Tuấn (thửa số 52, tờ số 60)	1.400	840	450	980	580	310	840	510	280
10		Nhà ông Lê Văn Tuấn (thửa số 52, tờ 60)	Trường Tiểu Học và Trung học cơ Sở Dũng Phong	750	500	350	380	280	230	300	230	180
11	Đường liên xã	Gò Ma Lơi (thửa 796, tờ số 264)	Giáp địa giới hành chính xã Tân Lạc	300	230	150	220	160	130	170	140	110
12		Ngã ba Xóm Đảy (thửa số 180, tờ 197)	Giáp địa giới hành chính xã Cao Phong	300	230	150	220	160	130	170	140	110
13		Ngã ba nhà ông Bùi Văn Thương (thửa số 107, tờ số 93)	Giáp địa giới hành chính xã Cao Phong	490	410	330	380	330	260	300	260	210
14		Ngã ba thửa đất hộ ông Kiêu giáp Quốc lộ 6 (thửa số 312, tờ số 59)	Ngầm 834 giáp địa giới hành chính xã Cao Phong	850	500	400	600	380	280	550	330	280

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
15	Đường trục chính	Ngã ba ông Nguyễn Văn Bẩy (Xóm Trẹo Ngoài 2, tờ số 270, tờ số 119)	Ngã ba nhà văn hoá xóm Nà Bái	650	390	260	450	270	180	400	260	190
16		Giáp Quốc Lộ 6A (Nhà ông Nguyễn Văn Dũng thửa số 04, tờ 68)	Ngã ba ông Nguyễn Văn Bẩy (Xóm Trẹo Ngoài 2, tờ số 270, tờ số 119)	1.400	1.120	560	980	780	400	840	690	350
17		Ngã ba nhà văn hoá xóm Nà Bái	Trường trung học phổ Thông Thạch Yên	650	390	260	480	290	200	420	270	200
18		Ngã ba nghĩa trang xóm Nam Hồng (Nhà ông Trần Xuân Nguyên thửa số 346, tờ số 120)	Nhà văn hoá Xóm Mạc	650	390	260	480	290	200	420	270	200
19		Ngã ba nhà ông Thưởng xóm Mạc (thửa số 281, tờ số 126)	Qua NVH xóm ong đi theo đường nhựa đến ngã ba nhà ông Triệu Văn Tuyên (tờ số 20, tờ bản đồ số 141)	350	270	200	240	200	140	210	170	120
20		Ngã ba nhà ông Du (thửa số 427, tờ số 197)	Nhà ông Đặng đi ngã ba đường nội đồng xóm Ngái (thửa số 318, tờ số 196)	300	220	180	210	160	110	180	140	120
21		Ngã Chầm Quà (thửa 841, tờ 190)	Đi NVH xóm Quà, đi xóm Rớm Khánh đến nhà ông Bùi Ngọc Ích (thửa số 01, tờ số 225)	300	220	180	210	160	110	180	140	120
22		Ngã tư Đồng Mất (thửa số 128, tờ số 263)	Đi qua nhà ông Bùi Văn Dãn đến NVH xóm Bợ (thửa 99, tờ 272)	300	220	180	210	160	110	180	140	120
23		Ngã ba nhà ông Bùi Văn Hợi (thửa 58, tờ 219)	NVH xóm Thang	300	220	180	210	160	110	180	140	120
24		Trường mầm non Yên Thượng	Đi trường tiểu học Yên Thượng đến Ngã tư Đồng Mất (thửa số 128, tờ số 263)	300	220	180	210	160	110	180	140	120
25		Ngã ba nhà ông Bùi Văn Đông xóm Đồng Nhất (thửa số 57, tờ số 101)	Đi xóm Dũng Tiến đến ngã ba nhà ông Bùi Văn Hải xóm Dũng Tiến (tiếp giáp đường tỉnh lộ 444) (thửa số 5, tờ bản đồ số 107)	490	370	290	400	300	240	320	240	190

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
26	Đường trục chính	Nhà ông Bùi Xuân Nhạc (thửa 27, tờ số 196)	Đi Đác Thang đến NVH xóm Thôi Bạ (thửa 94, tờ 246)	300	220	180	210	160	110	180	140	120
27		Ngã ba nhà ông Bùi Văn Phận xóm Trẹo Ngoài 2 (thửa số 06, tờ số 119)	Đi qua trường học mầm non Nam Phong đến NVH xóm Nà Bái	650	390	260	480	290	200	420	270	200
28	Đường liên thôn, xóm	Ngã bà nhà Đinh Thị Lịnh (thửa số 132, tờ 122)	Qua NVH xóm Trẹo Ngoài 1 đến ngã ba nhà ông Bùi Văn Tiên (thửa số 142, tờ số 119)	400	300	230	300	240	180	240	190	150
29		Nhà ông Bùi Văn Son (xóm Bãi Bệ 2, thửa số 118, tờ số 94)	Đi qua NVH xóm Đồng Mới đến ngã ba nhà ông Bùi Hải Đảo xóm Đồng Nhất (thửa số 30, tờ 101)	400	300	230	300	240	180	240	190	150
30		Nhà văn hóa xóm Thôi Bạ	Nhà văn hoá xóm Um	260	200	130	200	150	140	160	140	120
31		Nhà văn hóa xóm Thang	Đi Nà Bưng	260	200	130	200	150	140	160	140	120
32		Nhà văn hóa xóm Um	Nhà ông Bùi Văn Đoan đến cầu Nà Cơi xóm Pheo	260	200	130	200	150	140	160	140	120
33		Nhà văn hóa xóm Um	Bãi Bợi đến Nhà văn hóa xóm Pheo	260	200	130	200	150	140	160	140	120
34		Nhà văn hóa xóm Um	Trường tiểu học Yên Thượng	260	200	130	200	150	140	160	140	120
35		Ngã ba Nà Hoà (thửa 467, bản đồ số 262)	Nhà ông Bùi Văn Toán xóm Đai (thửa 133, tờ 270)	260	200	130	200	150	140	160	140	120
37	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá	Các thửa đất khu vực xã Thạch Yên cũ		250			190			150		
38		Các thửa đất khu vực xã Tây Phong cũ		450			330			290		
39		Các thửa đất khu vực xã Nam Phong cũ		320			300			240		
40		Các thửa đất khu vực xã Dũng Phong cũ		370			300			240		